Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000740 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 9 tháng 3 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 7 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy số 0200580975 ngày 12 tháng 10 năm 2011.

Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Cho thuê kho, bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy;
- Cho thuê phương tiện vận tải thủy, vỏ container, rơ moóc;
- Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển). Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển. Dịch vụ logistics. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đại lý xăng dầu;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy. Bán buôn phương tiện vận tải thủy;
- Xây dựng nhà các loại (bao gồm xây dựng bệnh viện, trường học, siêu thị, nhà ở, nhà văn phòng);
- Bán buôn gỗ ván sàn. Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư;
- Sản xuất vỏ container;
- Sửa chữa vỏ container;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bốc xếp hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại: số 11 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và

- Chi nhánh tại Hà Nội: tầng 15, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh;
- Chi nhánh tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh: số 10, Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai;
- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh: số 163 Nguyễn văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận;
- Chi nhánh tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: số 109, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 2.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lãi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty là **13.028.197.975** đồng Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm báo cáo và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đậu Công Lưu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2011)
Ông Đỗ Thành Đĩnh	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2011)
Ông Lê Quang Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Kiên	Thành viên
Ông Đỗ Hồng Trường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2011)
Ông Vũ Trường Giang	Thành viên
Ông Trần Đức Hùng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm báo cáo và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đậu Công Lưu	Tổng Giám đốc (bãi nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2011)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2011)
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2011)

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm báo cáo và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Tạ Kim Chi	Trưởng ban
Bà Đặng Thúy Định	Thành viên
Bà Trần Mai Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2012

CPA HANOI

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số: 12-2-037/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (gọi tắt là "Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh cho năm kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 29.

Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 40 tại trang 28 và 29 của báo cáo tài chính được kiểm toán về sự việc tranh chấp chưa giải quyết.

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tô Quang Hùng
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Hồ Đình Phúc
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**112.744.791.450**	**123.815.493.401**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	3	**42.474.942.165**	**71.739.816.164**
1. Tiền	111		7.374.942.165	11.461.160.685
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.100.000.000	60.278.655.479
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	4	**1.061.672.900**	**1.708.343.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.845.513.094	2.835.083.094
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.783.840.194)	(1.126.740.094)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**65.022.173.697**	**47.300.977.909**
1. Phải thu của khách hàng	131	5	33.825.433.687	23.850.528.078
2. Trả trước cho người bán	132	6	28.679.690.706	17.222.779.897
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.617.049.304	6.277.669.934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(100.000.000)	(50.000.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**2.606.675.695**	**2.181.396.172**
1. Hàng tồn kho	141	8	2.606.675.695	2.181.396.172
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.579.326.993**	**884.960.156**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.090.196.962	525.312.276
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		105.025.031	129.042.880
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	384.105.000	230.605.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**113.468.882.381**	**104.165.496.328**
I. Tài sản cố định	**220**		**76.176.301.157**	**70.489.726.770**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	34.493.129.596	36.581.649.667
- Nguyên giá	222		107.398.505.618	104.028.702.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.905.376.022)	(67.447.052.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	486.894.110	478.283.000
- Nguyên giá	228		498.283.000	488.283.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.388.890)	(10.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	41.196.277.451	33.429.794.103
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**36.857.751.133**	**33.055.550.028**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	37.194.424.002	33.594.424.002
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	500.000.000	500.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(836.672.869)	(1.038.873.974)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**434.830.091**	**620.219.530**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	409.830.091	595.219.530
2. Tài sản dài hạn	268	18	25.000.000	25.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**226.213.673.831**	**227.980.989.729**

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**106.826.516.904**	**102.466.783.392**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**62.319.050.128**	**62.354.349.551**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	200.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	20	13.062.730.425	17.246.826.986
3. Người mua trả tiền trước	313	21	21.592.350.000	22.174.071.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	6.012.404.196	3.170.389.159
5. Phải trả cho người lao động	315	23	2.747.309.713	3.421.540.175
6. Chi phí phải trả	316	24	729.706.237	404.919.368
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	25	14.982.772.700	11.305.610.291
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.991.776.857	4.630.992.472
II. Nợ dài hạn	**330**		**44.507.466.776**	**40.112.433.841**
1. Phải trả dài hạn khác	333	26	44.435.091.777	40.048.641.482
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		72.374.999	63.792.359
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**119.387.156.927**	**125.514.206.337**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	27	**119.387.156.927**	**125.514.206.337**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.224.809.588	13.146.215.102
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.090.070.050	3.448.265.947
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.072.277.289	28.919.725.288
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**226.213.673.831**	**227.980.989.729**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	*6.146,71*	*113.232,28*

SĐKKD: 0200580975 - CTCP ★ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI ★ Đ. NGÔ QUYỀN - TP. HẢI PHÒNG

Đậu Anh Dũng
Phó trưởng P.TCKT

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

KHOẢN MỤC	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	28	**152.072.716.114**	**122.870.518.363**
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	28	**152.072.716.114**	**122.870.518.363**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	29	**138.071.358.547**	**108.360.669.157**
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**14.001.357.567**	**14.509.849.206**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	30	**7.481.449.566**	**6.370.250.277**
7. Chi phí tài chính	**22**	31	**892.128.622**	**1.269.673.145**
- Trong đó: Lãi vay phải trả	*23*		*5.583.333*	-
8. Chi phí bán hàng	**24**	32	**86.958.864**	**58.373.455**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	33	**3.160.760.715**	**2.473.167.443**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**17.342.958.932**	**17.078.885.440**
11. Thu nhập khác	31	34	1.168.235.104	4.576.754.554
12. Chi phí khác	32	35	407.483.066	3.299.117.671
13. Lợi nhuận khác	**40**		**760.752.038**	**1.277.636.883**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**18.103.710.970**	**18.356.522.323**
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	36	4.265.953.169	4.674.433.758
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**13.837.757.801**	**13.682.088.565**
18. Lợi nhuận liên doanh chia TCT Hàng hải Việt Nam			(809.559.836)	(971.428.930)
19. Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			**13.028.197.975**	**12.710.659.635**
20. Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân			6.000.000	6.000.000
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	37	**2.171**	**2.118**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Đậu Anh Dũng
Phó trưởng P.TCKT
Ngày 18 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**18.103.710.970**	**18.356.522.323**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	12,13	6.587.625.999	7.262.939.504
- Các khoản dự phòng	03		504.898.995	828.862.906
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.522.094.511)	(97.433.798)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.119.931.070)	(5.579.933.264)
- Chi phí lãi vay	06		5.583.333	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**18.559.793.716**	**20.770.957.671**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(17.900.677.939)	(6.538.858.766)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(425.279.523)	(441.301.859)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.574.373.427)	3.148.569.654
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(379.495.247)	(318.903.871)
- Tiền lãi đã trả	13		(5.583.333)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.985.786.161)	(3.160.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		763.620.750	38.189.416
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.792.840.783)	(2.364.634.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(9.740.621.947)**	**11.134.017.360**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.665.782.320)	(5.982.294.357)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.115.357.090	3.410.504.698
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(707.390.800)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.054.502.704
- Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(3.600.000.000)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	195.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.511.513.004	5.095.404.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(9.638.912.226)**	**6.065.726.250**

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		200.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.085.339.826)	(6.275.190.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	**40**		**(9.885.339.826)**	**(6.275.190.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	**50**		**(29.264.873.999)**	**10.924.553.610**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	3	**71.739.816.164**	**60.792.832.918**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	22.429.636
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	3	**42.474.942.165**	**71.739.816.164**

SĐKKD:0200580975 - CTCP - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI - Đ.NGÔ QUYỀN - TP.HẢI PHÒNG

Đậu Anh Dũng
Phó trưởng P.TCKT

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000740 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 9 tháng 3 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 7 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy số 0200580975 ngày 12 tháng 10 năm 2011.

Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Cho thuê kho, bãi, văn phòng. Kinh doanh nhà;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy;
- Cho thuê phương tiện vận tải thủy, vỏ container, rơ moóc;
- Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển). Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển. Dịch vụ logistics. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đại lý xăng dầu;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy. Bán buôn phương tiện vận tải thủy;
- Xây dựng nhà các loại (bao gồm xây dựng bệnh viện, trường học, siêu thị, nhà ở, nhà văn phòng);
- Bán buôn gỗ ván sàn. Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư;
- Sản xuất vỏ container;
- Sửa chữa vỏ container;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bốc xếp hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại: số 11 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và

- Chi nhánh tại Hà Nội: tầng 15, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh;
- Chi nhánh tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh: số 10, Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai;
- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh: số 163 Nguyễn văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận;
- Chi nhánh tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: số 109, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 2.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng
Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ trên máy tính.

Niên độ kế toán
Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu
Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí trả trước ngắn hạn
Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, bảo trì thang máy, chi phí thuê kho bãi, chi phí bảo vệ, công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng với thời gian dưới 1 năm theo qui định hiện hành.

Tài sản cố định và khấu hao
Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 28 năm
Máy móc thiết bị	5 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình và không trích khấu hao do Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sử dụng.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư tài chính
Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Hoạt động liên doanh
Lợi ích của Công ty trong các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm của Công ty. Lợi ích của bên liên doanh đồng kiểm soát được phân phối trên lợi nhuận sau thuế của hoạt động liên doanh theo tỷ lệ liên doanh.

Chi phí trả trước dài hạn
Chi phí sửa chữa văn phòng và kho bãi được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

Trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc được trích lập vào cuối niên độ kế toán cho toàn bộ nhân viên với mức trích bằng 3% tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ
Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu
Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế. Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng theo cơ sở kế toán.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	1.705.377.075	1.028.830.861
Tiền gửi ngân hàng	5.669.565.090	10.432.329.824
Các khoản tương đương tiền (*)	35.100.000.000	60.278.655.479
Tổng cộng	**42.474.942.165**	**71.739.816.164**

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất tiền gửi VND từ 12,5% đến 14%/năm.

4. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	2.845.513.094	2.769.083.094
Đầu tư ngắn hạn khác	-	66.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.783.840.194)	(1.126.740.094)
Tổng cộng	**1.061.672.900**	**1.708.343.000**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng tại Văn phòng Công ty	5.845.956.430	4.388.876.774
Phải thu khách hàng tại Chi nhánh Hà Nội	3.409.985.847	3.303.774.510
Phải thu khách hàng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	21.373.617.137	14.640.103.777
Phải thu khách hàng tại Chi nhánh Vũng Tàu	3.195.874.273	1.517.773.017
Tổng cộng	**33.825.433.687**	**23.850.528.078**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán tại Văn phòng Công ty	155.000.000	120.000.000
Trả trước cho người bán tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.524.690.706	17.102.779.897
Tổng cộng	**28.679.690.706**	**17.222.779.897**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác tại Văn phòng Công ty	788.648.985	695.142.829
Phải thu khác tại Chi nhánh Hà Nội	461.922.875	171.320.007
Phải thu khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.314.910.301	5.369.322.880
Phải thu khác tại Chi nhánh Vũng Tàu	51.567.143	41.884.218
Tổng cộng	**2.617.049.304**	**6.277.669.934**

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.450.970.255	1.341.288.000
Công cụ, dụng cụ	1.500.000	414.045.741
Hàng hóa	154.205.440	426.062.431
Tổng cộng	**2.606.675.695**	**2.181.396.172**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	KC vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Phí bảo hiểm tài sản	63.722.252	186.970.327	(169.461.776)	81.230.803
Chi phí bảo trì thang máy	9.980.455	128.955.942	(127.972.475)	10.963.922
Chi phí thuê container, nhà xưởng, kho bãi	214.019.013	1.669.390.529	(1.664.912.473)	218.497.069
Phí duy trì tên miền "Vimadeco.vn", duy trì trang web	1.330.000	2.620.000	(2.554.497)	1.395.503
Chi phí vệ sinh	38.822.222	127.121.901	(164.744.123)	1.200.000
CCDC (vỏ, lốp)	190.158.334	295.313.636	(439.471.970)	46.000.000
Chi phí bảo vệ	7.280.000	-	(7.280.000)	-
Chi phí sửa chữa container	-	959.949.168	(231.237.503)	728.711.665
Chi phí vận chuyển	-	165.681.545	(165.681.545)	-
Chi phí xây dựng tường bao	-	17.000.000	(17.000.000)	-
Chi phí dịch vụ kê khai qua mạng	-	2.498.000	(300.000)	2.198.000
Tổng cộng	**525.312.276**	**3.555.501.048**	**(2.990.616.362)**	**1.090.196.962**

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	384.105.000	230.605.000
Tổng cộng	**384.105.000**	**230.605.000**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình nhà văn phòng - 7A Lê Thánh Tông, Hải Phòng	295.900.155	267.354.700
Dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Phước Long A	9.536.151.645	7.322.807.805
Dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, Phước Bình	25.818.078.452	25.813.999.574
Công trình Depot nam Hòa 1	91.601.744	25.632.024
Dự án Khu nhà ở - TM - DV tại P.Phước Long A, Q.9	5.454.545.455	-
Tổng cộng	**41.196.277.451**	**33.429.794.103**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.852.067.307	26.517.942.278	10.662.522.716	418.571.754	3.577.598.095	104.028.702.150
Mua trong năm	64.000.000	37.700.000	4.081.567.639	10.818.000	595.211.641	4.789.297.280
Đầu tư XDCB hoàn thành	100.001.692	-	-	-	-	100.001.692
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.196.393.809)	-	(323.101.695)	(1.519.495.504)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	63.016.068.999	26.555.642.278	13.547.696.546	429.389.754	3.849.708.041	107.398.505.618
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	39.477.198.516	20.120.450.672	5.401.976.588	273.939.425	2.173.487.282	67.447.052.483
Khấu hao trong năm	2.355.228.375	2.349.413.894	1.299.818.364	75.018.240	506.758.236	6.586.237.109
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(866.513.570)	-	(261.400.000)	(1.127.913.570)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	41.832.426.891	22.469.864.566	5.835.281.382	348.957.665	2.418.845.518	72.905.376.022
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	23.374.868.791	6.397.491.606	5.260.546.128	144.632.329	1.404.110.813	36.581.649.667
Tại ngày cuối năm	21.183.642.108	4.085.777.712	7.712.415.164	80.432.089	1.430.862.523	34.493.129.596

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	478.283.000	10.000.000	488.283.000
Mua trong năm	-	10.000.000	10.000.000
Số dư cuối năm	478.283.000	20.000.000	498.283.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	10.000.000	10.000.000
Khấu hao trong năm	-	1.388.890	1.388.890
Số dư cuối năm	-	11.388.890	11.388.890
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	478.283.000	-	478.283.000
Tại ngày cuối năm	478.283.000	8.611.110	486.894.110

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines (a)	33.594.424.002	33.594.424.002
Công ty TNHH Vận tải và Đầu tư Đông Bắc (b)	3.600.000.000	-
Tổng cộng	**37.194.424.002**	**33.594.424.002**

(a): Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 2 tháng 7 năm 2011 của Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines, Công ty sẽ đầu tư 120.000.000.000 đồng tương ứng 15% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2011, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines 33.594.424.002 đồng tương ứng 4,2% vốn điều lệ.

(b): Góp vốn hợp tác với Công ty TNHH Vận tải và Đầu tư Đông Bắc thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu. Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hải Hải Âu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201234801 ngày 6 tháng 1 năm 2012. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hải Hải Âu, Công ty sẽ đầu tư 3.600.000.000 đồng tương ứng 30% vốn điều lệ.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Vinalines Logistics (cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	**500.000.000**	**500.000.000**

16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(836.672.869)	(1.038.873.974)
Tổng cộng	**(836.672.869)**	**(1.038.873.974)**

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	KC vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa bãi Chùa Vẽ	212.033.865	308.252.727	(263.550.074)	256.736.518
Chi phí sửa chữa văn phòng	383.185.665	-	(230.092.092)	153.093.573
Tổng cộng	**595.219.530**	**308.252.727**	**(493.642.166)**	**409.830.091**

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng Chi nhánh Hà Nội	25.000.000	25.000.000
Tổng cộng	**25.000.000**	**25.000.000**

19. VAY

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phạm Quốc Hùng	200.000.000	-
Tổng cộng	**200.000.000**	**-**

Vay Ông Phạm Quốc Hùng: HĐTD ngày 19/12/2011 số tiền 200.000.000, thời hạn 6 tháng (đáo hạn 19/6/2012), lãi suất 1,25%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	4.962.150.584	4.851.508.381
Phải trả người bán tại Chi nhánh Hà Nội	4.625.874.182	10.289.712.328
Phải trả người bán tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.550.856.741	2.063.722.059
Phải trả người bán tại Chi nhánh Vũng Tàu	923.848.918	41.884.218
Tổng cộng	**13.062.730.425**	**17.246.826.986**

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước tại Văn phòng Công ty	-	15.447.565
Người mua trả tiền trước tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	21.592.350.000	22.158.623.535
Tổng cộng	**21.592.350.000**	**22.174.071.100**

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	442.132.594	188.476.325
Thuế nhập khẩu	34.708.053	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.126.449.938	1.846.282.930
Thuế thu nhập cá nhân	169.699.445	56.547.231
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.202.801.674	1.058.012.925
Các loại thuế khác	36.612.492	21.069.748
Tổng cộng	**6.012.404.196**	**3.170.389.159**

23. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người lao động tại Văn phòng Công ty	(410.548.553)	871.383.833
Phải trả cho người lao động tại Chi nhánh Hà Nội	408.663.394	603.972.702
Phải trả cho người lao động tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.846.354.703	1.883.359.606
Phải trả cho người lao động tại Chi nhánh Vũng Tàu	(97.159.831)	62.824.034
Tổng cộng	**2.747.309.713**	**3.421.540.175**

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trích trước tiền thuê bãi container	355.011.683	355.011.683
Chi phí mua vỏ xe	93.517.273	-
Chi phí vận chuyển	186.545.455	-
Chi phí phải trả khác	94.631.826	49.907.685
Tổng cộng	**729.706.237**	**404.919.368**

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ , PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	137.500.157	198.921.589
Bảo hiểm xã hội	-	5.742.257
Cổ tức phải trả	8.724.220.000	6.120.000.000
Phải trả về cổ phần hoá	2.915.752.230	2.915.752.230
TCT Hàng hải Việt Nam	2.634.823.776	1.735.993.978
Công ty Sao Xanh	10.080.000	10.080.000
Công ty CP Thiên Quang Việt	-	5.800.000
Doanh thu chưa thực hiện	469.778.357	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	90.618.180	313.320.237
Tổng cộng	**14.982.772.700**	**11.305.610.291**

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng, cho thuê container	876.599.122	698.103.750
Khoản góp vốn của CB CNV thực hiện dự án tại phường Phước Bình, Quận 9, Tp.HCM	39.165.525.000	36.665.025.000
Lãi tiền gửi Dự án Bắc Rạch Chiếc	4.392.967.655	2.685.512.732
Tổng cộng	**44.435.091.777**	**40.048.641.482**

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của nhà nước	30.600.000.000	30.600.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	29.400.000.000	29.400.000.000
Tổng cộng	**60.000.000.000**	**60.000.000.000**

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Chi tiết tăng/(giảm) lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị: đồng Việt Nam

Số dư đầu năm	28.919.725.288
Tăng trong năm:	
Lợi nhuận trong năm	13.837.757.801
Giảm trong năm:	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	(78.594.486)
Trích Quỹ dự phòng tài chính	(641.804.103)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(898.525.744)
Trích Quỹ khen thưởng HĐQT	(256.721.641)
Chia cổ tức năm 2010	(12.000.000.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2011	(6.000.000.000)
Chia lợi nhuận liên doanh cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	(809.559.826)
Số dư cuối năm	22.072.277.289

27.3 Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*6.000.000*	*6.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*6.000.000*	*6.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**60.000.000.000**	**20.000.000.000**	**11.415.242.340**	**2.521.041.772**	**27.760.687.879**	**121.696.971.991**
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.682.088.565	13.807.510.990
- Chia các quỹ	-	-	1.730.972.762	927.224.175	(4.883.534.957)	(2.225.338.020)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.639.516.199)	(1.764.938.624)
Số dư cuối năm trước/ Số dư đầu năm nay	**60.000.000.000**	**20.000.000.000**	**13.146.215.102**	**3.448.265.947**	**28.919.725.288**	**125.514.206.337**
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	13.837.757.801	13.837.757.801
- Chia các quỹ	-	-	78.594.486	641.804.103	(1.875.645.974)	(1.155.247.385)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000	(18.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(809.559.826)	(809.559.826)
Số dư cuối năm nay	**60.000.000.000**	**20.000.000.000**	**13.224.809.588**	**4.090.070.050**	**22.072.277.289**	**119.387.156.927**

28. DOANH THU

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Hoạt động vận tải đường bộ	39.190.235.788	34.976.954.039
Hoạt động khai thác bãi container	50.793.903.003	43.372.049.975
Hoạt động đại lý giao nhận vận tải	3.370.490.538	3.832.883.117
Hoạt động đại lý tàu biển	300.460.830	356.004.138
Hoạt động bán hàng hóa	48.753.638.292	29.776.775.203
Hoạt động cho thuê văn phòng	5.692.893.099	5.715.471.864
Hoạt động sửa chữa tàu	3.971.094.564	3.380.153.783
Hoạt động khác	-	1.460.226.244
Tổng cộng	**152.072.716.114**	**122.870.518.363**

29. GIÁ VỐN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Hoạt động vận tải đường bộ	37.382.375.134	35.268.413.225
Hoạt động khai thác bãi container	41.713.473.628	35.761.628.717
Hoạt động đại lý giao nhận vận tải	4.392.065.679	3.395.184.308
Hoạt động bán hàng hóa	47.705.363.967	28.797.325.039
Hoạt động cho thuê văn phòng	3.893.871.265	3.556.740.907
Hoạt động sửa chữa tàu	2.984.208.874	1.581.376.961
Tổng cộng	**138.071.358.547**	**108.360.669.157**

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.511.513.004	5.095.404.005
Cổ tức, lợi nhuận được chia	78.802.102	45.032.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.522.094.511	547.962.009
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	517.066	185.473.442
Chiết khấu thanh toán được hưởng	368.522.883	173.872.858
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	322.505.963
Tổng cộng	**7.481.449.566**	**6.370.250.277**

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	5.583.333	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	431.592.791	397.805.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	88.039.644
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	657.100.100	368.489.696
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(202.201.105)	410.373.210
Chi phí tài chính khác	53.503	4.965.353
Tổng cộng	**892.128.622**	**1.269.673.145**

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.958.864	58.373.455
Tổng cộng	**86.958.864**	**58.373.455**

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	286.725.500	248.200.950
Chi phí vật liệu quản lý	135.177.874	153.879.638
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.876.319	34.629.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.672.776	79.614.400
Thuế, phí và lệ phí	45.451.297	53.648.486
Chi phí dự phòng	58.582.640	58.055.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.432.225	1.323.824.127
Chi phí bằng tiền khác	1.597.842.084	521.314.882
Tổng cộng	**3.160.760.715**	**2.473.167.443**

34. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Thanh lý TSCĐ	1.115.357.090	3.410.504.698
Thu nhập khác	52.878.014	1.166.249.856
Tổng cộng	**1.168.235.104**	**4.576.754.554**

35. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	391.581.934	2.925.975.439
Chi phí khác	15.901.132	373.142.232
Tổng cộng	**407.483.066**	**3.299.117.671**

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	18.103.710.970	18.356.522.323
Các khoản điều chỉnh tăng	(2)	185.473.442	886.096.096
Các khoản điều chỉnh giảm	(3)	(1.225.371.737)	(230.505.442)
Thu nhập tính thuế (4) = (1)+(2)+(3)	(4)	17.063.812.675	19.012.112.977
Thuế TNDN (5) = (4) * 25%	(5)	4.265.953.169	4.753.028.244
Thuế TNDN được giảm 30%	(6)	-	(78.594.486)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (7) = (5)+(6)	(7)	4.265.953.169	4.674.433.758

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(1)	13.837.757.801	13.682.088.565
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu			
Lợi nhuận liên doanh chia cho TCT Hàng hải Việt Nam về hoạt động kinh doanh tòa nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	(2)	*(809.559.826)*	*(971.428.930)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (3) = (1) + (2)	(3)	13.028.197.975	12.710.659.635
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	(4)	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5) = (3)/(4)	(5)	2.171	2.118

38. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	Chia cổ tức 2010	6.120.000.000
		Chia cổ tức 2011 (đợt 1)	3.060.000.000
		Chia lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	809.559.826
		Chi phí khấu hao tòa nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi	89.269.972
		Cho thuê văn phòng	2.479.804.792

Tại ngày 31/12/2011, số dư với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu/(phải trả)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí cổ phần hóa	558.132.965
		Phải trả về cổ phần hóa	(2.915.752.230)
		Cổ tức	(7.780.000.000)
		Chia lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	(2.634.823.776)

39. NHỮNG THAY ĐỔI DO SAI SÓT

a. Sai sót

Theo thông báo số 2161/TB ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, tiền thuê đất bị truy thu từ năm 2004 đến 2010 là 1.058.012.925 đồng. Sai sót này ảnh hưởng đến số liệu so sánh như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục báo cáo	Ảnh hưởng của sai sót đến
	Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2010
Giá vốn tăng	167.229.900
Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm	41.807.475
Lợi nhuận chưa phân phối giảm	125.422.425
	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	793.509.694
Trong đó:	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm	*264.503.231*
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất tăng	*1.058.012.925*
Lợi nhuận chưa phân phối giảm	793.509.694
Trong đó:	
- Năm 2010 giảm	*125.422.425*
- Năm 2004 đến 2009 giảm	*668.087.269*

39. NHỮNG THAY ĐỔI DO SAI SÓT (tiếp theo)

b. Những thay đổi về số liệu so sánh

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Tăng/(giảm)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Giá vốn	108.360.669.157	108.193.439.257	167.229.900
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.674.433.758	4.716.241.233	(41.807.475)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.682.088.565	13.807.510.990	(125.422.425)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.118	2.139	(21)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.170.389.159	2.376.879.465	793.509.694
Trong đó:			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	*1.846.282.930*	*2.110.786.161*	*(264.503.231)*
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	*1.058.012.925*	-	*1.058.012.925*
Lợi nhuận chưa phân phối	28.919.725.288	29.713.234.982	(793.509.694)
Tổng cộng nguồn vốn	227.980.989.729	227.980.989.729	-
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	3.148.569.654	2.981.339.754	167.229.900

40. TÀI SẢN, NỢ TIỀM TÀNG

Theo thỏa thuận, Công ty phải bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA ("SACA") 18.137m^2 đất tại khu quy hoạch Dự án khu dân cư Bắc Rạch Chiếc tại phường Phước Long A và Phước Bình, quận 9 thành phố Hồ Chí Minh, đổi lại SACA bàn giao cho Công ty 2.943,27m^2 đất nền có cơ sở hạ tầng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khu dự án.

Công ty đã bàn giao và SACA đã nhận 18.137m^2 đất và SACA đã bàn giao cho Công ty 2.943,27m^2 đất nền có cơ sở hạ tầng. Công ty đã ký ba hợp đồng kinh tế 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12/11/2007, 1356/ HĐKT VMD-SACA ngày 14/11/2007 và 130/ HĐ VMD-SACA ngày 30/1/2008 với SACA về việc bồi thường lại đất nền có cơ sở hạ tầng cho Công ty, tổng giá trị bồi thường cho 3 hợp đồng trên là 32.280.510.000 đồng (bao gồm thuế GTGT) tương ứng với 2.511,05m^2 đất nền có hạ tầng, còn 432,22 m^2 đất nền có hạ tầng thuộc quyền sở hữu của Công ty nhưng Công ty chưa thực hiện ký hợp đồng bồi thường với SACA. Năm 2007, Công ty đã ghi nhận doanh thu là 10.688.160.000 đồng (bao gồm thuế GTGT). Phần còn lại của số tiền nhận bồi thường được báo cáo trên khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, trong diện tích đất đã bàn giao cho SACA có 3.500m^2 đất chưa có cơ sở hạ tầng bị Công ty TNHH Vĩnh Lộc lấn chiếm, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thu hồi phần đất này về để kết thúc thỏa thuận hợp tác với SACA.

40. TÀI SẢN, NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Công ty tin tưởng rằng lợi nhuận chưa ghi nhận của phần đất nền có hạ tầng đã nhận được từ SACA đủ để bù đắp các tổn thất có thể phát sinh do việc thu hồi phần đất đã bàn giao nhưng bị lấn chiếm cho SACA theo thỏa thuận hợp tác giữa hai bên.

Đậu Anh Dũng	Nguyễn Văn Dũng
Phó trưởng P.TCKT	Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2012